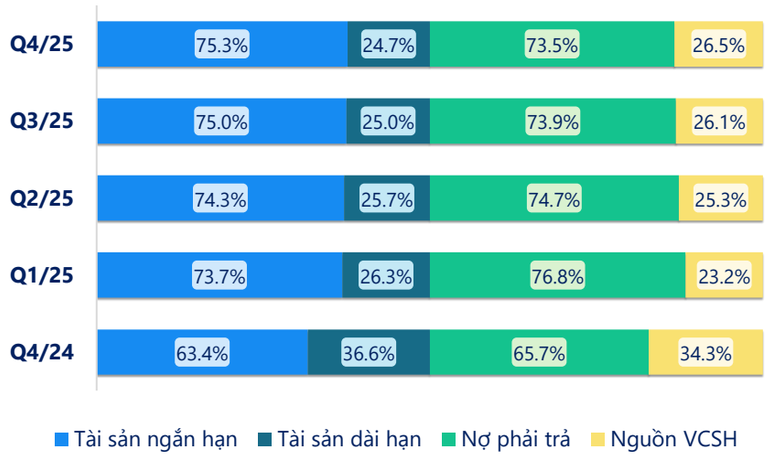
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi (HSX: CCI)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	27,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,550
SL cổ phiếu LH	17,541,105
KLGD BQ 20 phiên (CP)	390
% sở hữu nước ngoài	2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	477
P/E	9.5
EPS	2,870

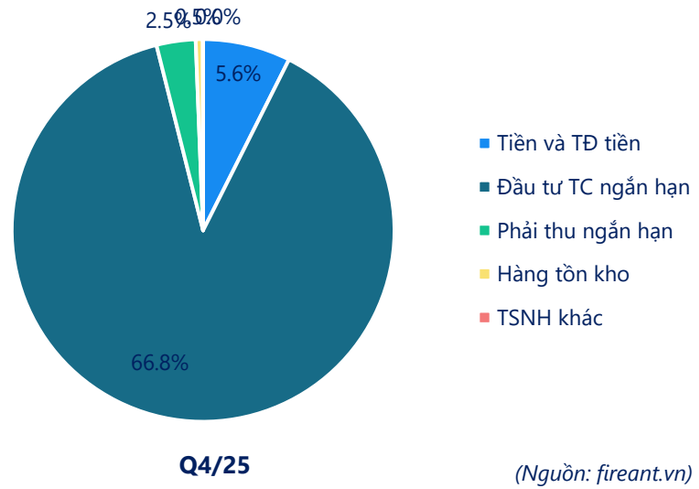
	YTD	1T	3T	6T
CCI	24.0%	0.0%	10.6%	20.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



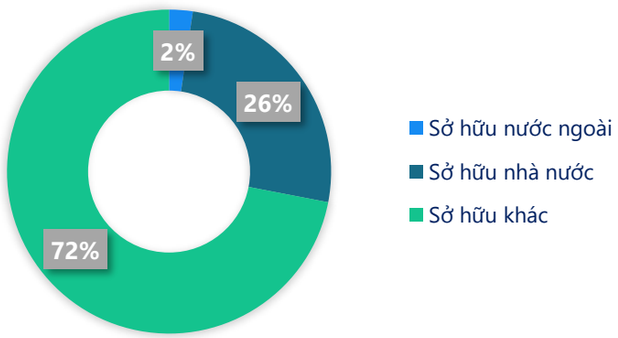
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



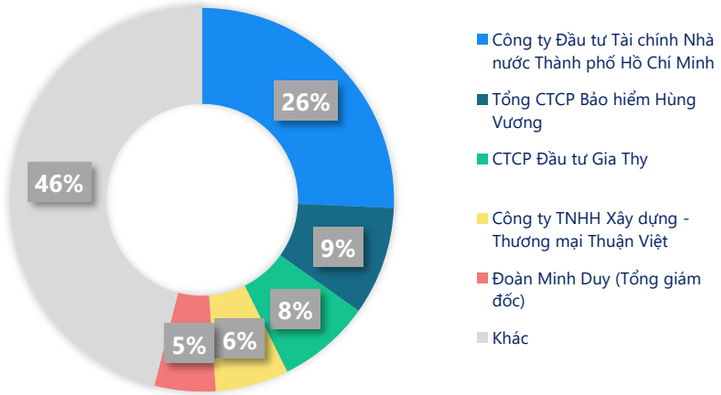
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



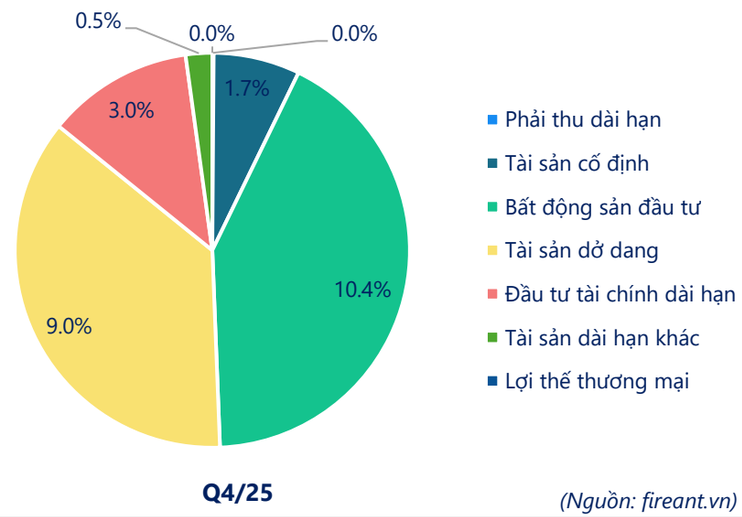
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

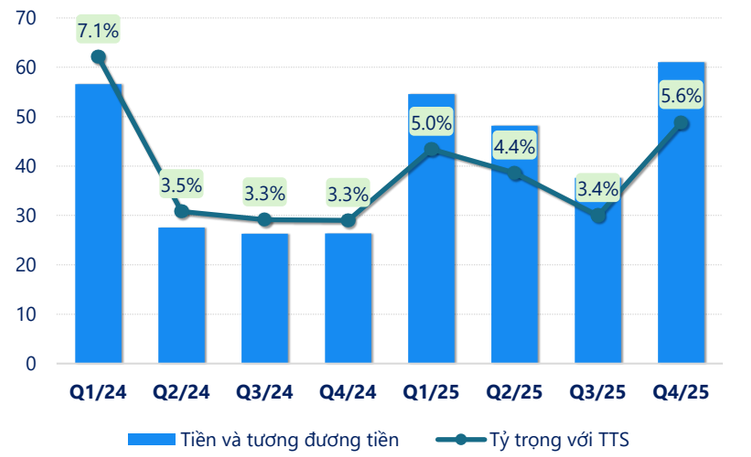


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

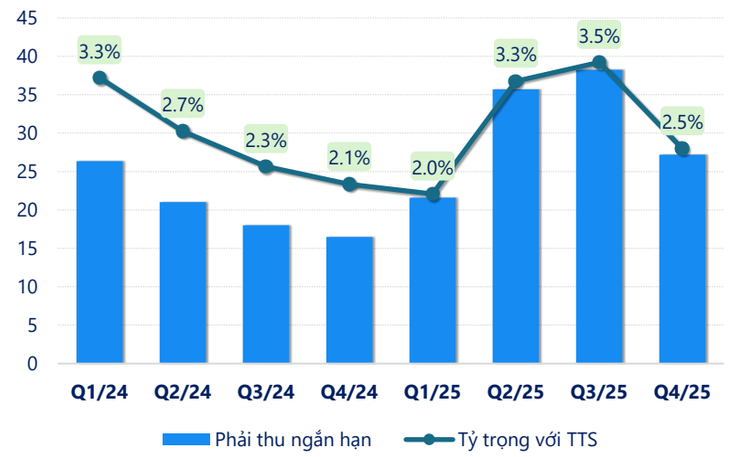
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi (HSX: CCI)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



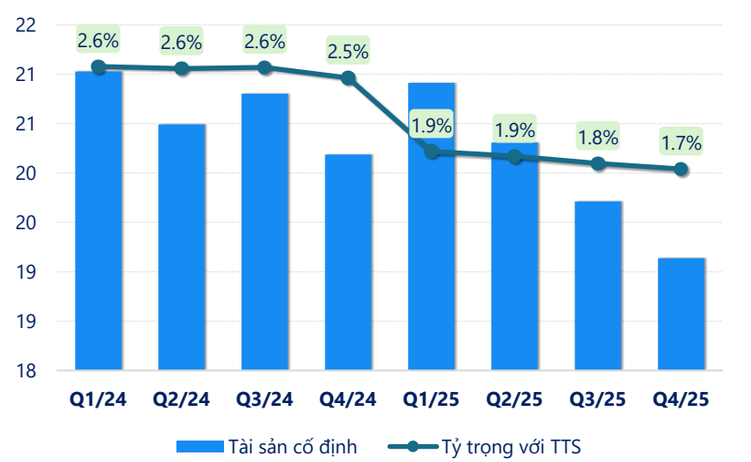
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



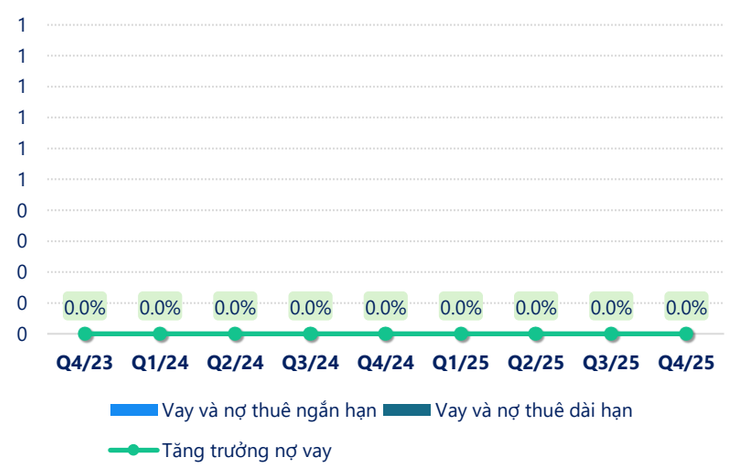
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



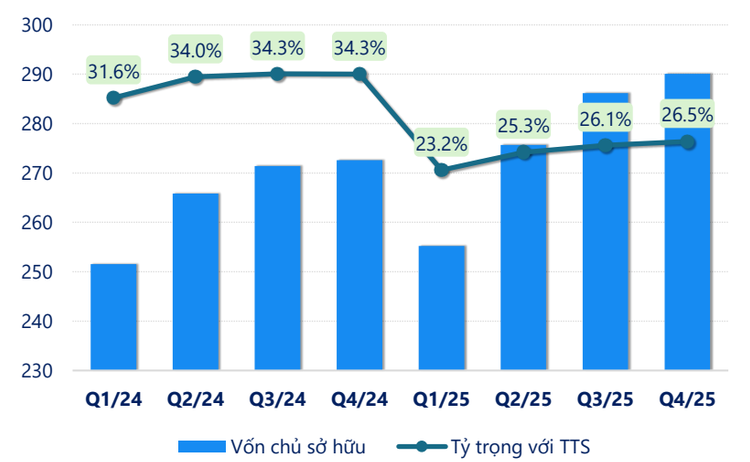
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

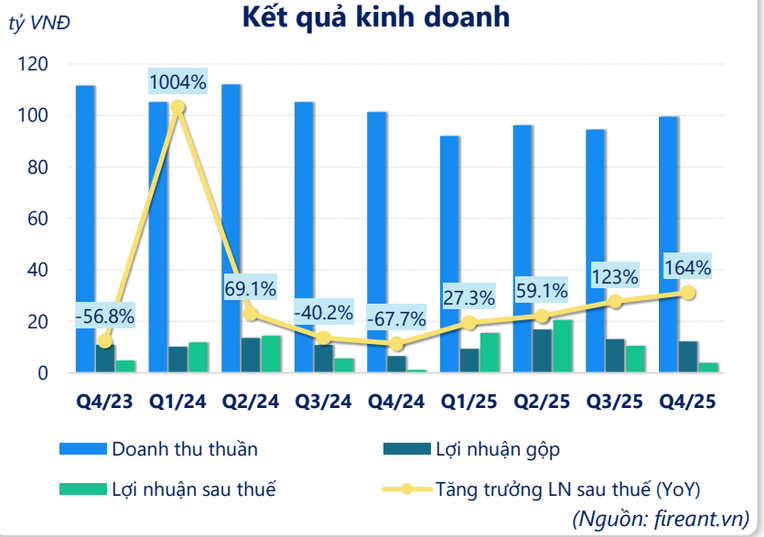


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

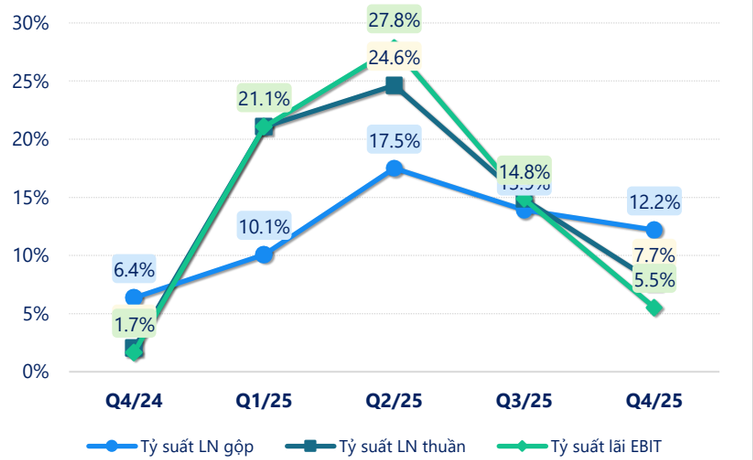
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi (HSX: CCI)

Kết quả kinh doanh



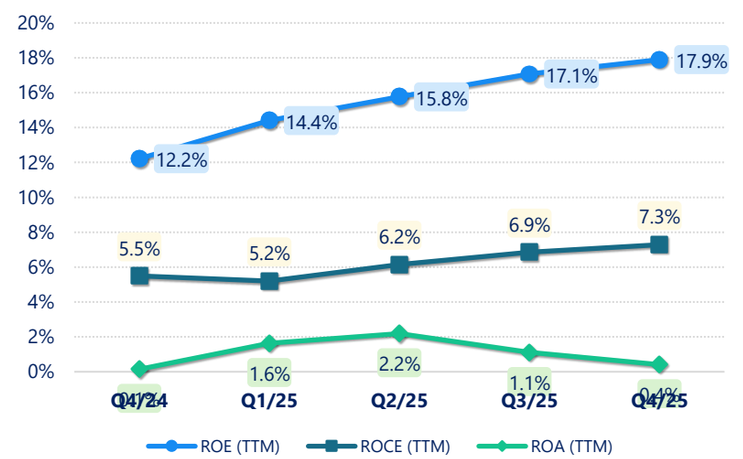
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



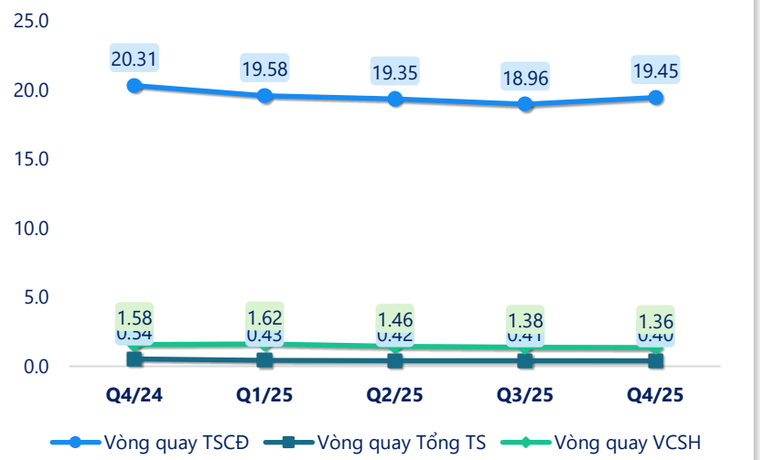
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



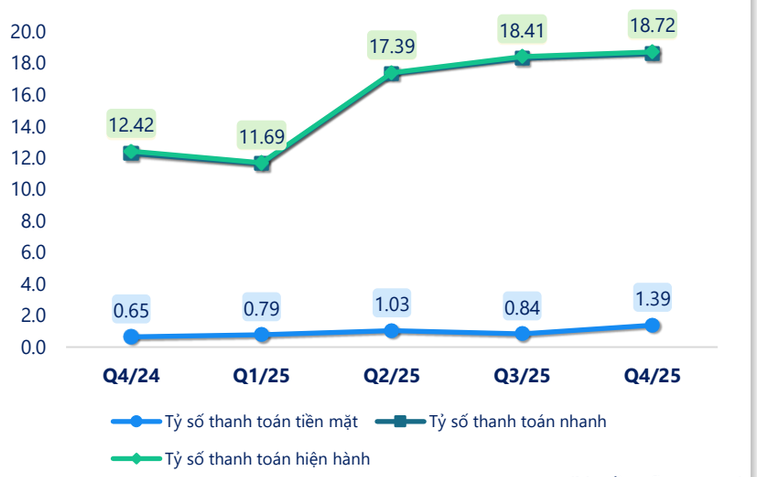
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



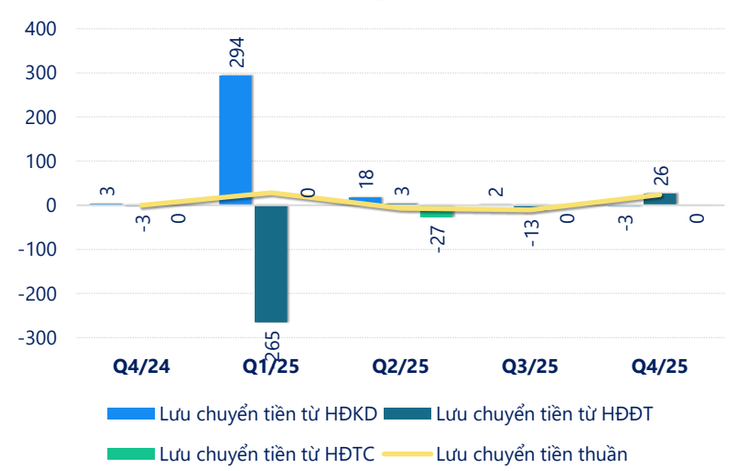
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi (HSX: CCI)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,094**	**795**	**37.6%**
Tài sản ngắn hạn	824	504	63.5%
Tiền và tương đương tiền	61.1	26.3	132%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	730	455	60.6%
Phải thu ngắn hạn	27.2	16.5	65.0%
Hàng tồn kho	4.94	6.18	-20.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.08	116%
Tài sản dài hạn	**270**	**291**	**-7.1%**
Phải thu dài hạn	0.30	0.19	60.3%
Tài sản cố định	19.1	20.2	-5.2%
Bất động sản đầu tư	114	123	-7.4%
Tài sản dở dang	98.5	99.4	-0.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	32.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**5.86**	**15.7**	**-62.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	804	522	53.9%
Nợ ngắn hạn	**44.0**	**40.6**	**8.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.79	4.42	-82.1%
Nợ dài hạn	760	482	57.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**290**	**273**	**6.4%**
Vốn chủ sở hữu	**290**	**273**	**6.4%**
Vốn điều lệ	177	177	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	101	92.0	96.2	94.6	99.5
Giá vốn hàng bán	94.9	82.8	79.4	81.4	87.4
Lợi nhuận gộp	6.45	9.29	16.8	13.1	12.1
Doanh thu HĐTC	5.12	9.45	13.1	10.4	10.1
Chi phí TC	1.70	-7.11	-7.26	0.00	-0.17
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.98	2.58	9.05	6.21	5.92
Chi phí QLDN	5.83	3.88	4.43	3.27	8.85
LN thuần từ HĐKD	2.06	19.4	23.7	14.0	7.65
Lợi nhuận khác	-0.36	0.00	3.09	0.00	-2.14
LN trước thuế	1.70	19.4	26.8	14.0	5.51
Lợi nhuận sau thuế	1.16	15.5	20.5	10.5	3.91
LNST của CĐ cty mẹ	1.16	15.5	20.5	10.5	3.91

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.11	294	17.5	2.07	-2.62
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.06	-265	3.47	-12.5	26.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	0	-27.4	-0.12	-0.13
Tiền đầu kỳ	26.3	26.3	54.6	48.2	37.6
Lưu chuyển tiền thuần	**0.04**	**28.2**	**-6.42**	**-10.6**	**23.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.3	54.6	48.2	37.6	61.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic